

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1984/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Khung năng lực và Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ Công Thương hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Công Thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/5/2023 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên



ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 29/6/2023 của Bộ Tư pháp Quy định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BKHHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-TTCP ngày 01/11/2023 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra;

Căn cứ Thông tư 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong các cơ quan, tổ chức hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2520/TTr-SNV ngày 05/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục vị trí việc làm, Khung năng lực và Bản mô tả công việc cho từng vị trí việc làm của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài.

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài có trách nhiệm thực hiện việc bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; sử dụng và quản lý công chức của Ủy ban nhân dân thành phố theo danh mục vị trí việc làm, ngạch công chức tối thiểu, biên chế được giao hàng năm trên cơ sở Bản mô tả công việc đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Đối với số lượng biên chế cần có theo vị trí việc làm đã được phê duyệt, trong trường hợp được Trung ương giao bổ sung biên chế cho tỉnh, sẽ xem xét bổ sung cho Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trong việc kiểm tra, hướng dẫn việc bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài theo Bản mô tả công việc đã được phê duyệt trong tổng biên chế được giao, đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ CCHC, CCVC- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT, (TVTTL).



Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Đơn vị thực hiện	Ngạch công chức tối thiểu
I	VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ			
1	Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố	TPĐX-LĐQL-01	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	Chuyên viên
2	Chánh Thanh tra thành phố	TPĐX-LĐQL-02	Thanh tra thành phố	Thanh tra viên hoặc tương đương
3	Trưởng phòng	TPĐX-LĐQL-03	Các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố	Chuyên viên
4	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố	TPĐX-LĐQL-04	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	Chuyên viên
5	Phó Chánh Thanh tra thành phố	TPNĐ-LĐQL-05	Thanh tra thành phố	Thanh tra viên hoặc tương đương
6	Phó Trưởng phòng	TPNĐ-LĐQL-06	Các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố	Chuyên viên
II	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH			
	Lĩnh vực Nội vụ			
1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	TPĐX-NVCN-01	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
2	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	TPĐX-NVCN-02	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
3	Chuyên viên về địa giới hành chính	TPĐX-NVCN-03	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
4	Chuyên viên về cải cách hành chính	TPĐX-NVCN-04	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
5	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	TPĐX-NVCN-05	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
6	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	TPĐX-NVCN-06	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
7	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	TPĐX-NVCN-07	Phòng Nội vụ	Chuyên viên
	Lĩnh vực Giáo dục			
8	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	TPĐX-NVCN-08	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên

9	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	TPĐX -NVCN-09	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
10	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	TPĐX -NVCN-10	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
11	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	TPĐX -NVCN-11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
12	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	TPĐX -NVCN-12	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
13	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	TPĐX -NVCN-13	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
14	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	TPĐX -NVCN-14	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Chuyên viên
	Lĩnh vực Tư pháp			
15	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và tiếp cận pháp luật	TPĐX -NVCN-15	Phòng Tư pháp	Chuyên viên
16	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	TPĐX -NVCN-16	Phòng Tư pháp	Chuyên viên
	Lĩnh vực công thương			
17	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	TPĐX -NVCN-17	Phòng Kinh tế	Chuyên viên
18	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	TPĐX -NVCN-18	Phòng Kinh tế	Chuyên viên
	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ			
19	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	TPĐX -NVCN-19	Phòng Kinh tế	Chuyên viên
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
20	Chuyên viên về phát triển nông thôn	TPĐX -NVCN-20	Phòng Kinh tế	Chuyên viên
	Lĩnh vực Tài chính			
21	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	TPĐX -NVCN-21	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
22	Chuyên viên về quản lý tài sản công	TPĐX -NVCN-22	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
23	Chuyên viên về quản lý giá	TPĐX -NVCN-23	Phòng Tài chính	Chuyên viên

			- Kế hoạch	
	Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư			
24	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	TPĐX -NVCN-24	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
25	Chuyên viên về quản lý đầu tư	TPĐX -NVCN-25	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
26	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	TPĐX -NVCN-26	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
27	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	TPĐX -NVCN-27	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
28	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	TPĐX -NVCN-28	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chuyên viên
	Lĩnh vực thông tin và truyền thông			
29	Chuyên viên về Quản lý thông tin cơ sở	TPĐX -NVCN-29	Phòng Văn hoá và Thông tin	Chuyên viên
30	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	TPĐX -NVCN-30	Phòng Văn hoá và Thông tin	Chuyên viên
	Lĩnh vực văn hoá thể thao và du lịch			
31	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)	TPĐX -NVCN-31	Phòng Văn hoá và Thông tin	Chuyên viên
32	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	TPĐX -NVCN-32	Phòng Văn hoá và Thông tin	Chuyên viên
33	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	TPĐX -NVCN-33	Phòng Văn hoá và Thông tin	Chuyên viên
	Lĩnh vực tài nguyên và môi trường			
34	Chuyên viên về khoáng sản	TPĐX -NVCN-34	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
35	Chuyên viên về đo đạc bản đồ	TPĐX -NVCN-35	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
36	Chuyên viên về quản lý đất đai	TPĐX -NVCN-36	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
37	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	TPĐX -NVCN-37	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
38	Chuyên viên về môi trường	TPĐX -NVCN-38	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
39	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	TPĐX -NVCN-39	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
40	Chuyên viên về tài nguyên nước	TPĐX -NVCN-40	Phòng Tài nguyên và môi trường	Chuyên viên
	Lĩnh vực giao thông vận tải			
41	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng	TPĐX -NVCN-41	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
42	Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông	TPĐX -NVCN-42	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên

43	Chuyên viên về quản lý vận tải	TPĐX -NVCN-43	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
	Lĩnh vực xây dựng			
44	Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng	TPĐX -NVCN-44	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
45	Chuyên viên Quản lý kiến trúc	TPNĐ-NVCN-45	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
46	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	TPĐX -NVCN-46	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
47	Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị	TPĐX -NVCN-47	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
48	Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật	TPĐX -NVCN-48	Phòng Quản lý đô thị	Chuyên viên
	Lĩnh vực Thanh tra			
49	Thanh tra viên công tác Thanh tra	TPĐX -NVCN-49	Thanh tra thành phố	Thanh tra viên
50	Chuyên viên công tác Thanh tra	TPĐX -NVCN-50	Thanh tra thành phố	Chuyên viên
51	Thanh tra viên tiếp công dân và xử lý đơn	TPĐX -NVCN-51	Thanh tra thành phố	Thanh tra viên
52	Thanh tra viên giải quyết khiếu nại, tố cáo	TPĐX -NVCN-52	Thanh tra thành phố	Thanh tra viên
53	Chuyên viên giải quyết khiếu nại, tố cáo	TPĐX -NVCN-53	Thanh tra thành phố	Chuyên viên
54	Thanh tra viên phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	TPĐX -NVCN-54	Thanh tra thành phố	Thanh tra viên
	Lĩnh vực Văn phòng			
55	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	TPĐX -NVCN-55	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	Chuyên viên
56	Chuyên viên về thư ký - biên tập	TPĐX -NVCN-56	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	Chuyên viên
57	Chuyên viên về kiểm soát TTTC	TPĐX -NVCN-57	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	Chuyên viên
58	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	TPĐX -NVCN-58	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	Chuyên viên
	Lĩnh vực Lao động, người có công và xã hội			
59	Chuyên viên về lao động tiền lương	TPNĐ-NVCN-59	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên
60	Chuyên viên về bình đẳng giới	TPNĐ-NVCN-60	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên
61	Chuyên viên về người có công	TPNĐ-NVCN-61	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên
62	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	TPNĐ-NVCN-62	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên

63	Chuyên viên về việc làm	TPNĐ-NVCN-63	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên
64	Chuyên viên về trẻ em	TPNĐ-NVCN-64	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên
65	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	TPNĐ-NVCN-65	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	Chuyên viên
III	VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG			
	Lĩnh vực Văn phòng			
66	Chuyên viên về quản trị công sở	TPĐX -CMDC-01	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	Chuyên viên
67	Văn thư viên trung cấp	TPĐX -CMDC-02	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	Cán sự
	Lĩnh vực kế hoạch - tài chính			
68	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán)	TPĐX -CMDC-03	Phòng Tài chính - Kế hoạch	
IV	VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ PHỤC VỤ			
69	Nhân viên phục vụ	TPĐX -HTPV-01	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	Hợp đồng
70	Nhân viên bảo vệ	TPĐX -HTPV-02	Văn phòng HĐND và UBND thành phố	Hợp đồng

